



Số: 38 /2013/SVCT-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm**

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 được lập ngày 22 tháng 01 năm 2013, từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2012 mà không đặt vấn đề xem xét lại số dư đầu năm vào ngày 01/01/2012. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM**

127 Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh  
Tel : (84-8) 3511 4167 - 3511 4168 • Fax : (84-8) 3511 4169  
Email : svc-cn-hcm@vnn.vn

#### **VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ**

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ  
Tel : (0710) 3765 999 • Fax : (0710) 3765 766  
Email : svc-ct@vnn.vn

344577  
CHI NH  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
KIỂM TO  
SAO VI  
HỒ CHÍ MINH - TP

## Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính với điều kiện không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với số dư đầu năm vào ngày 01/01/2012.



**Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số 0325/KTV

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ**

Cần Thơ, ngày 27 tháng 03 năm 2013

**Đặng Thị Thiên Nga**

Chứng chỉ KTV số 0462/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.967.608.516</b>	<b>82.145.606.202</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.1	<b>6.543.520.542</b>	<b>3.670.003.613</b>
1. Tiền	111		6.543.520.542	3.670.003.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.2	<b>39.535.117.236</b>	<b>46.730.776.293</b>
1. Phải thu khách hàng	131		38.461.208.379	39.331.274.393
2. Trả trước cho người bán	132		306.664.036	6.040.979.648
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		767.244.821	1.358.522.252
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>28.947.061.475</b>	<b>29.601.468.088</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	28.947.061.475	29.601.468.088
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.4	<b>4.941.909.263</b>	<b>2.143.358.208</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	216.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.941.909.263	1.927.358.208
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.851.904.161</b>	<b>42.268.368.756</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>46.054.824.161</b>	<b>40.471.288.756</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	29.104.439.515	29.987.610.118
- Nguyên giá	222		45.513.182.234	43.614.001.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.408.742.719)	(13.626.391.453)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	8.608.202.000	8.608.202.000
- Nguyên giá	228		8.608.202.000	8.608.202.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	8.342.182.646	1.875.476.638
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.8	<b>1.797.080.000</b>	<b>1.797.080.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.797.080.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>127.819.512.677</b>	<b>124.413.974.958</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.696.481.395</b>	<b>68.401.610.226</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.805.181.206</b>	<b>64.613.608.344</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	42.421.946.025	37.795.669.068
2. Phải trả người bán	312	V.10	13.234.551.994	23.016.549.778
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	59.231.515	214.315.821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.561.776.309	1.112.763.928
5. Phải trả người lao động	315		1.304.421.250	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	2.698.142.172	89.543.733
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	412.753.589	2.278.989.844
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		112.358.352	105.776.172
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.891.300.189</b>	<b>3.788.001.882</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	3.891.300.189	3.788.001.882
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.123.031.282</b>	<b>56.012.364.732</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>61.123.031.282</b>	<b>56.012.364.732</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.399.600.000	22.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.363.666.700	23.763.266.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4.662.862	4.662.862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.941.867.667	7.148.170.128
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.279.739.323	1.168.343.233
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.133.494.730	1.927.921.809
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>127.819.512.677</b>	<b>124.413.974.958</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<i>Thuyết minh</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		23.900.864	23.900.864
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Trần Nguyễn Minh Hiền*

**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Người lập

*Lê Thái Minh Trang*

**Lê Thái Minh Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Nam Hóa**  
Giám đốc  
Long Xuyên, ngày 22 tháng 01 năm 2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012*

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>206.284.909.079</b>	<b>202.947.134.859</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.993.270.593	1.919.683.409
<b>3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>204.291.638.486</b>	<b>201.027.451.450</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	122.690.634.225	142.525.016.718
<b>5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>VI.1</b>	<b>81.601.004.261</b>	<b>58.502.434.732</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	355.687.124	253.381.176
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.118.553.155	7.676.211.904
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.900.610.003	7.517.406.877
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	54.803.591.243	39.183.927.360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.353.694.562	8.761.211.064
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.680.852.425</b>	<b>3.134.465.580</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	285.492.936	370.854.686
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>285.492.936</b>	<b>370.854.686</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>VI.8</b>	<b>8.966.345.361</b>	<b>3.505.320.266</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.082.850.631	1.277.398.457
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>VI.8</b>	<b>6.883.494.730</b>	<b>2.227.921.809</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>2.607</b>	<b>1.013</b>



**Trần Nguyễn Minh Hiền**  
Người lập



**Lê Thái Minh Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Nam Hóa**  
Giám đốc  
Long Xuyên, ngày 22 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

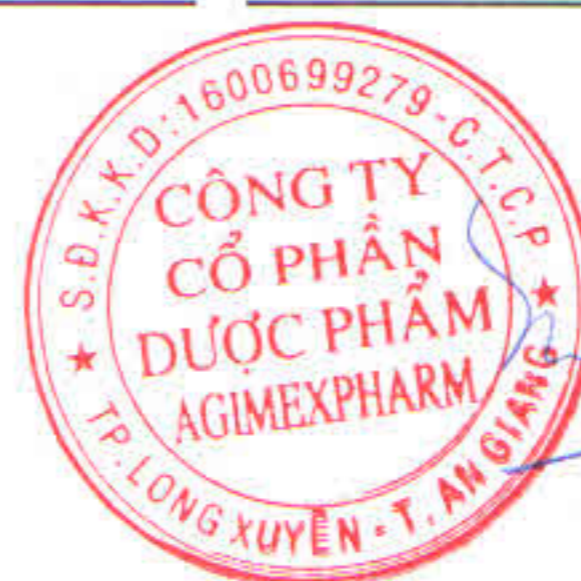
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	126.643.973.145	128.118.259.780
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72.891.250.781)	(94.520.041.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.721.893.824)	(14.679.791.601)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.788.022.513)	(7.569.694.459)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(894.081.472)	(1.662.498.087)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	37.274.831.415	38.276.055.292
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(63.429.760.344)	(58.379.320.212)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.193.795.626</b>	<b>(10.417.031.016)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.811.977.263)	(2.312.303.262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.341.210	4.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331.708.092	222.975.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.439.927.961)</b>	<b>(2.085.327.842)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84.592.893.915	76.185.035.452
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.863.318.651)	(65.684.994.240)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.609.926.000)	(1.095.617.128)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.119.649.264</b>	<b>9.404.424.084</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.873.516.929</b>	<b>(3.097.934.774)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.670.003.613</b>	<b>6.767.938.387</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.543.520.542</b>	<b>3.670.003.613</b>



Trần Nguyễn Minh Hiền  
Người lập



Lê Thái Minh Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nam Hóa  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 22 tháng 01 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	264.000	2.640.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	1.936.000	19.360.000.000	88,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.200.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.639.960</b>	<b>26.399.600.000</b>	<b>100,00%</b>

**2. Trụ sở hoạt động**

Trụ sở của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có 2 chi nhánh đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và số 66 đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);

